

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2020/TLST - HNGĐ ngày 06/7/2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3.2. Chị Bùi Thị N1, sinh năm 1979 và anh Dương Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng ở riêng tại thôn K, xã T. Năm 2018, vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và lối sống. Anh H thường xuyên gây sự, đánh đập, chửi bới chị. Chị đã bỏ nhà đi nhiều lần nhưng nghĩ thương con chị lại quay lại chung sống với anh H nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hai Người đã sống ly thân từ tháng 5/2020, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù đã sống ly thân, anh H vẫn đe dọa giết chị, đập phá xe máy của chị. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Chị và anh H có một con chung là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 13/10/ 2017 đang ở với anh H. Chị đề nghị được nuôi cháu T2 và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Biên bản ghi lời khai đương sự ngày 28/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H xác định: Thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị N trình bày là đúng. Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị N và xin được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai Người làm chứng, bà Phạm Thị H1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh H. Anh H, chị N kết hôn năm 2016. Sau khi cưới, anh chị sống riêng tại nhà đất của anh H. Quá trình chung sống, anh chị hay cãi nhau. Anh H nóng tính, đôi khi đánh chị N làm cho chị N bỏ nhà đi nhiều lần. Anh chị có một con chung là Nguyễn Văn T2. Nếu anh H được quyền nuôi con, bà sẽ hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc cháu. Anh chị không có tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại biên bản ghi lời khai Người làm chứng ngày 21/7/2020, Chị Bùi Thị N1 và anh Dương Văn T xác định : Anh chị là chị gái và anh rể của chị N. Nếu chị N được nuôi con, anh chị hỗ trợ chị N về mọi mặt, tạo điều kiện tốt nhất cho chị N trong việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự, Người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chị Bùi Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn H; Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Bản thân chị N, anh H đều xác nhận quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị N xin ly hôn, anh H đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị N ly hôn với anh H là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ con chung: Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của hai anh chị ngang nhau nhưng cháu Nguyễn Văn T2 là con chung của anh chị chưa đủ 36 **tháng** tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[4] Về án phí: Chị N phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T2, sinh ngày 13/10/ 2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001881 ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Chị N, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
- L- u hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phu